

Đề xuất giải pháp phát triển thể dục thể thao Việt Nam trước tác động của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư

PGS.TS. Nguyễn Hồng Dương; TS. Vũ Thị Hồng Thu

TÓM TẮT:

Căn cứ trên những kết quả khảo sát, đánh giá thực trạng cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư (CMCN 4.0) có tác động trực tiếp đến các lĩnh vực hoạt động thể dục thể thao (TDTT) và trên cơ sở đánh giá thực trạng mức độ sẵn sàng, cơ hội, rủi ro và thách thức tham gia cuộc CMCN 4.0 đối với ngành TDTT, kết quả nghiên cứu đã xác định và đề xuất một số nhóm giải pháp cơ bản nhằm phát triển TDTT Việt Nam trước tác động của cuộc CMCN 4.0.

Từ khoá: Giải pháp, phát triển thể dục thể thao Việt Nam, Cách mạng công nghiệp lần thứ 4.

ABSTRACT:

Based on the survey results, I have assessed the status of the Fourth Industrial Revolution (4.0) that has a direct impact on the fields of physical training and sports (sport) activities and by assessing the status of readiness, opportunities, risks and challenges participating in Industry 4.0 for the Sports Industry, the research results have identified and proposed some fundamental solutions to develop sports in Vietnam the impact of Industry 4.0.

Keywords: Solution; Sports development in Vietnam; Industrial revolution 4.0.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong lĩnh vực TDTT ở Việt Nam, trước sự phát triển mạnh mẽ của những sản phẩm công nghệ trong cuộc CMCN 4.0 đã tạo ra những thách thức và tác động không hề nhỏ. Công cuộc xây dựng và phát triển TDTT Việt Nam hiện nay đang phải đối mặt với tốc độ phát triển nhanh chóng và sự tác động mạnh mẽ, trái chiều nhau giữa tích cực và tiêu cực từ cách mạng 4.0. Vấn đề đặt ra là phải biết tận dụng cơ hội, vượt qua nguy cơ, thách thức ngay từ lựa chọn cách thức, con đường phát triển TDTT Việt Nam. Trước tác động của cách mạng 4.0, TDTT Việt Nam phải có



(Ảnh minh họa)

tính chủ động cao, định hướng sớm và khoa học thì mới có những bước đi vững chắc trong thực tiễn. Do đó TDTT Việt Nam cần phải có những giải pháp phù hợp, hiệu quả để tiếp cận và đón đầu, từ đó thay đổi quan điểm, tư duy và cách thức quản lý từ truyền thống sang hiện đại. Nội dung bài viết đề cập đến nội dung, kết quả nghiên cứu về các nhóm giải pháp cơ bản nhằm phát triển TDTT Việt Nam trước tác động của cuộc CMCN 4.0.

Nghiên cứu đã sử dụng phương pháp sau: phân tích và tổng hợp tài liệu, chuyên gia và toán học thống kê.

2. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

2.1. Cơ sở lý luận và thực tiễn đề xuất giải pháp

Cuộc CMCN 4.0 mở ra nhiều cơ hội, đồng thời cũng đặt ra nhiều thách thức đối với mỗi quốc gia, tổ

chức và cá nhân; đã và đang tác động ngày càng mạnh mẽ đến tất cả các lĩnh vực của đời sống kinh tế, xã hội đất nước, trong đó có lĩnh vực TDTT. Thời gian qua, Đảng và Nhà nước ta đã lãnh đạo, chỉ đạo các cấp, các ngành đẩy mạnh ứng dụng, phát triển Khoa học và công nghệ (KH&CN) và đổi mới sáng tạo, nghiên cứu nắm bắt, nâng cao năng lực tiếp cận và chủ động tham gia cuộc CMCN4.0.

Nghị Quyết số 52-NQ/TW ngày 27 tháng 9 năm 2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư đã đề ra một số giải pháp cơ bản, định hướng như sau:

“1. Đổi mới tư duy, thống nhất nhận thức, tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, quản lý của nhà nước, phát huy sự tham gia của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội.

2. Hoàn thiện thể chế tạo thuận lợi cho chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư và quá trình chuyển đổi số quốc gia.

3. Chính sách phát triển cơ sở hạ tầng thiết yếu.

4. Chính sách phát triển và nâng cao năng lực đổi mới sáng tạo quốc gia.

5. Chính sách phát triển nguồn nhân lực.

6. Chính sách phát triển các ngành và công nghệ ưu tiên.

8. Chính sách thúc đẩy chuyển đổi số trong các cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội”.

Trên cơ sở đó, ngành TDTT đã xác định quan điểm:

- Hình thành nhận thức chung và cách tiếp cận nhất quán đối với những xu hướng, tác động của CMCN 4.0 đối với lĩnh vực TDTT.

- Chủ động nghiên cứu và ứng dụng các thành tựu của CMCN 4.0 trong phát triển nhanh và bền vững các lĩnh vực quan trọng của TDTT.

- Tập trung đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao nhằm đáp ứng yêu cầu nghiên cứu ứng dụng các thành tựu của CMCN 4.0.

Căn cứ vào những giải pháp định hướng, căn cứ vào quan điểm chỉ đạo nêu trên, qua phân tích đánh giá những kết quả khảo sát, đánh giá thực trạng cuộc CMCN 4.0 có tác động trực tiếp đến các lĩnh vực hoạt động TDTT và trên cơ sở đánh giá thực trạng mức độ sẵn sàng, cơ hội, rủi ro và thách thức tham gia cuộc CMCN 4.0 đối với ngành TDTT, nghiên cứu đã lựa chọn được 03 nhóm giải pháp cơ bản cùng với 11 giải pháp cụ thể nhằm phát triển TDTT Việt Nam trước tác động của cuộc CMCN 4.0. Qua đó tiến hành khảo

sát ý kiến 30 chuyên gia hàng đầu về lĩnh vực quản lý, huấn luyện thể thao và các chuyên gia về hoạch định chính sách phát triển. Kết quả cho thấy, đa số các ý kiến chuyên gia đều thống nhất với 03 nhóm giải pháp và 11 giải pháp cụ thể mà nghiên cứu đã đưa ra (với trên 90.00% ý kiến chuyên gia lựa chọn và xếp ở mức độ đặc biệt quan trọng).

2.2. Đề xuất giải pháp phát triển TDTT Việt Nam trước tác động của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư

2.2.1. Nhóm giải pháp về đổi mới tư duy, nhận thức về vai trò, tác động của CMCN 4.0 từ đó xây dựng chương trình hành động, hoạch định chính sách theo định hướng ứng dụng thành tựu CMCN 4.0

- *Giải pháp 1.* Đổi mới nhận thức, tăng cường năng lực tiếp cận của các đơn vị trong ngành TDTT đối với cuộc CMCN 4.0.

Tăng cường nâng cao nhận thức về cuộc CMCN 4.0 trong thực hiện chương trình, kế hoạch phát triển của các đơn vị trong ngành TDTT.

Tổ chức các hoạt động tuyên truyền trong các đơn vị của ngành TDTT nhằm nâng cao hiểu biết và nhận thức đúng về bản chất, đặc trưng, các cơ hội, thách thức của CMCN 4.0 đối với lĩnh vực TDTT.

Đẩy mạnh hoạt động tổ chức tham gia các sự kiện KH&CN về CMCN 4.0 (hội nghị, hội thảo, diễn đàn...) ở trong nước và ở nước ngoài nhằm tạo môi trường cho các đơn vị thuộc ngành TDTT học tập, trao đổi kinh nghiệm, phát huy sáng kiến trong nghiên cứu ứng dụng những thành tựu của CMCN 4.0.

- *Giải pháp 2.* Rà soát, bổ sung, lồng ghép các nội dung về tăng cường năng lực tiếp cận và ứng dụng thành tựu của cuộc CMCN 4.0 trong chiến lược, quy hoạch phát triển TDTT Việt Nam và xây dựng chương trình hành động để tổ chức thực hiện.

Bổ sung, điều chỉnh, xây dựng mới các nội dung về ứng dụng thành tựu CMCN 4.0 trong chiến lược, quy hoạch phát triển TDTT Việt Nam.

Xây dựng chương trình hành động về việc tăng cường năng lực tiếp cận cuộc CMCN 4.0 của ngành TDTT.

- *Giải pháp 3.* Xây dựng các chính sách thúc đẩy đổi mới sáng tạo, ứng dụng KH&CN để khai thác được cơ hội mở ra từ cuộc CMCN 4.0.

Xây dựng, tổ chức thực hiện chính sách khuyến khích, hỗ trợ các đơn vị thuộc ngành TDTT ứng dụng một số công nghệ mới của cuộc CMCN 4.0.

Xây dựng và tổ chức thực hiện chính sách đầu tư tài chính cho hệ thống quản lý bằng công nghệ thông tin theo xu thế của cuộc CMCN 4.0.

Xây dựng chính sách đầu tư hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin phục vụ cho nâng cao năng lực tiếp cận những thành tựu của CMCN 4.0

Xây dựng chính sách thúc đẩy đổi mới các nghiên cứu, ứng dụng KH&CN của các đơn vị đào tạo và NCKH (bao gồm các trường đại học TDTT, Viện Khoa học TDTT, các trung tâm HLTT...) của ngành TDTT phù hợp với xu thế của cuộc CMCN 4.0.

2.2.2. Nhóm giải pháp về xây dựng và triển khai mô hình hoạt động nghiên cứu và ứng dụng các thành tựu của CMCN 4.0 phù hợp với điều kiện phát triển các đơn vị thuộc ngành TDTT

- *Giải pháp 1.* Xây dựng mô hình hoạt động nghiên cứu và ứng dụng KH&CN trong lĩnh vực TDTT theo xu thế của cuộc CMCN 4.0.

Đổi mới hoạt động nghiên cứu KH&CN trong lĩnh vực TDTT theo định hướng ứng dụng những thành tựu của cuộc CMCN 4.0 thông qua mô hình liên kết các đơn vị trong nước và nước ngoài.

Xây dựng định hướng các đề tài nghiên cứu KH&CN trong các lĩnh vực hoạt động TDTT có ứng dụng những thành tựu của cuộc CMCN 4.0.

- *Giải pháp 2.* Xây dựng mô hình hoạt động thông tin và truyền thông KH&CN trong lĩnh vực TDTT theo xu thế của cuộc CMCN 4.0.

Xây dựng, triển khai các nội dung hoạt động thông tin và truyền thông TDTT theo các yếu tố cơ bản của mô hình truyền thông Claude Shannon (SMCRE).

Ứng dụng công nghệ điện toán đám mây (icloud) trong truyền tải, chia sẻ thông tin KH&CN trong lĩnh vực TDTT theo xu thế của cuộc CMCN 4.0.

Xây dựng cơ sở pháp lý về tổ chức quản lý trong hoạt động thông tin và truyền thông KH&CN trong lĩnh vực TDTT theo xu thế thúc đẩy ứng dụng hiệu quả các thành tựu của CMCN 4.0.

- *Giải pháp 3.* Xây dựng kế hoạch đầu tư hạ tầng kỹ thuật và các phương tiện, thiết bị công nghệ thông tin của Ngành TDTT phù hợp với các thành tựu của cuộc CMCN 4.0.

Thiết lập mô hình kết nối mạng công nghệ thông tin diện rộng của ngành TDTT trên cơ sở chuẩn hoá các phương tiện, thiết bị, phần mềm... phù hợp theo xu thế của cuộc CMCN 4.0.

Đầu tư những sản phẩm của cuộc CMCN 4.0 như các phần mềm ứng dụng, các thiết bị kỹ thuật số, các thiết bị y sinh học theo công nghệ AI, các dụng cụ, trang phục thể thao có kết nối IOT...

Đầu tư phòng thí nghiệm khoa học TDTT với các trang thiết bị hiện đại có sử dụng những công nghệ

tiên tiến của cuộc CMCN 4.0.

2.2.3. Nhóm giải pháp về nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ TDTT về tri thức khoa học, kỹ năng nghiệp vụ chuyên môn, công nghệ thông tin và trình độ ngoại ngữ để đáp ứng yêu cầu triển khai ứng dụng các thành tựu CMCN 4.0 trong lĩnh vực TDTT

- *Giải pháp 1.* Xây dựng và triển khai các chương trình nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ trong hoạt động liên kết với nước ngoài.

Xây dựng và triển khai chương trình nâng cao năng lực cho các cán bộ khoa học, qua đó từng bước hình thành đội ngũ chuyên gia, các nhà khoa học đầu ngành trong từng lĩnh vực để định hướng, dẫn dắt triển khai ứng dụng các thành tựu KH&CN hiện đại của cuộc CMCN 4.0.

Xây dựng chương trình thu hút, đào tạo bồi dưỡng các cán bộ trẻ, tài năng nhằm hình thành đội ngũ nhân lực công nghệ thông tin cho ngành TDTT.

Xây dựng chương trình bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng quản lý, CNTT cho đội ngũ cán bộ quản lý ngành TDTT tại các cơ sở đào tạo, nghiên cứu khoa học và ở các địa phương, ngành...

- *Giải pháp 2.* Nâng cao trình độ ngoại ngữ cho cán bộ nghiên cứu khoa học, cán bộ quản lý khoa học.

Xây dựng chương trình học tập, nâng cao trình độ ngoại ngữ cho cán bộ nghiên cứu khoa học phù hợp với chuyên ngành nghiên cứu.

Tổ chức lớp học tập, bồi dưỡng, nâng cao trình độ ngoại ngữ cho cán bộ quản lý KH&CN trong lĩnh vực TDTT đạt trình độ giao tiếp được bằng tiếng Anh.

Đưa năng lực thực hành ngoại ngữ (chủ yếu là tiếng Anh) vào trong tuyển dụng, đề bạt, chủ trì các nhiệm vụ KH&CN các cấp và các hoạt động liên kết nghiên cứu với nước ngoài.

- *Giải pháp 3.* Hình thành các nhóm, tập thể KH&CN trong lĩnh vực TDTT và công nghệ thông tin mạnh để tham gia vào các hoạt động nghiên cứu ứng dụng những thành tựu của cuộc CMCN 4.0.

Đào tạo, bồi dưỡng theo ê-kíp (equipe) để thúc đẩy việc hình thành và phát triển các nhóm nghiên cứu ứng dụng những thành tựu của cuộc CMCN 4.0.

Đầu tư, tạo điều kiện hoạt động cho các nhóm nghiên cứu mạnh ở từng lĩnh vực công nghệ ứng dụng trong các hoạt động TDTT.

Giao các nhiệm vụ, chỉ tiêu cụ thể cho các nhóm nghiên cứu với các điều kiện đảm bảo và chính sách thực hiện phù hợp.

- *Giải pháp 4.* Lựa chọn các nhà khoa học trẻ để

đầu tư chuyên sâu nghiên cứu ứng dụng những thành tựu của cuộc CMCN 4.0.

Xét tuyển hoặc thi tuyển để lựa chọn nhà khoa học trẻ và đưa đi đào tạo ở nước ngoài.

Tổ chức sự kiện, diễn đàn về cuộc CMCN 4.0 để thu hút các nhà khoa học trẻ tham gia, qua đó lựa chọn những nhân tố nổi bật để đầu tư, đào tạo.

- *Giải pháp 5.* Thu hút các chuyên gia, nhà khoa học nước ngoài tham gia các chương trình nghiên cứu ứng dụng những thành tựu của cuộc CMCN 4.0.

Xây dựng các đề tài nghiên cứu khoa học, ứng dụng công nghệ và mời các nhà khoa học có trình độ cao tham gia

Tổ chức các lớp giảng dạy chuyên đề, các seminar, workshop và mời các nhà khoa học nước ngoài giảng dạy, thuyết trình về CMCN 4.0

2.3. Kiểm chứng mức độ phù hợp, tính khả thi của giải pháp

Nghiên cứu đã tiến hành hội thảo với các chuyên gia về nội dung các giải pháp mà quá trình nghiên cứu đề tài đã lựa chọn và xây dựng. Nhằm xác định mức độ phù hợp, tính khả thi của các nhóm giải pháp, nội dung phỏng vấn, hội thảo tập trung vào vấn đề thảo luận, xin ý kiến chuyên gia nhằm xác định mức độ phù hợp, tính khả thi của 03 nhóm giải pháp (với 11 giải pháp cụ thể), đáp ứng các yêu cầu:

- Mức độ phù hợp với mức độ sẵn sàng, cơ hội, rủi ro, thách thức của Ngành.

- Mức độ phù hợp với các điều kiện thực tiễn của ngành.

- Tính khả thi của các nhóm giải pháp trong điều kiện áp dụng.

Đồng thời, nghiên cứu đã sử dụng thang đo likert với các mức độ ưu tiên ở 4 mức và thang điểm đánh giá như sau:

Mức 1: rất phù hợp (rất khả thi) - 4 điểm.

Mức 2: phù hợp (khả thi) - 3 điểm.

Mức 3: bình thường - 2 điểm.

Mức 4: không phù hợp (không khả thi) - 1 điểm

Thang điểm này sẽ là cơ sở để đánh giá mức độ đồng nhất của các ý kiến. Kết quả phỏng vấn lần thứ nhất được trình bày tại các bảng 1 và lần thứ hai được trình bày tại bảng 2.

Kết quả trình bày bảng 1 cho thấy:

Đại đa số các ý kiến đều xếp ở mức độ, tính khả thi cho đến rất phù hợp, rất khả thi (chiếm tỷ lệ từ 93.33% đến 100.00% ở lần phỏng vấn thứ nhất; 96.67% đến 100.00% ở lần phỏng vấn thứ hai) trong các điều kiện phù hợp với mức độ sẵn sàng, cơ hội, rủi ro, thách thức, cũng như phù hợp với các điều kiện thực tiễn, tính khả thi trong điều kiện áp dụng các nhóm giải pháp trong thực tiễn của Ngành TĐTT.

Bảng 1. Kết quả phỏng vấn lần 1 xác định mức độ phù hợp, tính khả thi về các nhóm giải pháp lựa chọn và xây dựng (n = 30)

TT	Mức độ phù hợp, tính khả thi	Kết quả phỏng vấn xếp theo mức độ ưu tiên								Điểm trung bình
		Mức 1		Mức 2		Mức 3		Mức 4		
		n	Tỷ lệ %	n	Tỷ lệ %	n	Tỷ lệ %	n	Tỷ lệ %	
1	Mức độ sẵn sàng, cơ hội, rủi ro, thách thức của ngành	30	100.0	0	0.00	0	0.00	0	0.00	4.00
2	Phù hợp với các điều kiện thực tiễn của ngành	24	80.00	3	10.00	1	3.33	2	6.67	3.63
3	Tính khả thi của các nhóm giải pháp trong điều kiện áp dụng	25	83.33	4	13.33	0	0.00	1	3.33	3.77

Bảng 2. Kết quả phỏng vấn lần 2 xác định mức độ phù hợp, tính khả thi về các nhóm giải pháp lựa chọn và xây dựng (n = 30)

TT	Nội dung	Kết quả phỏng vấn xếp theo mức độ ưu tiên								Điểm trung bình
		Mức 1		Mức 2		Mức 3		Mức 4		
		n	Tỷ lệ %	n	Tỷ lệ %	n	Tỷ lệ %	n	Tỷ lệ %	
1	Mức độ sẵn sàng, cơ hội, rủi ro, thách thức của ngành	30	100.0	0	0.00	0	0.00	0	0.00	4.00
2	Phù hợp với các điều kiện thực tiễn của ngành	24	80.00	4	13.33	1	3.33	1	3.33	3.70
3	Tính khả thi của các nhóm giải pháp trong điều kiện áp dụng	25	83.33	4	13.33	1	3.33	0	0.00	3.80

Bảng 3. So sánh kết quả qua 2 lần phỏng vấn xác định mức độ phù hợp, tính khả thi của các nhóm giải pháp đã lựa chọn và xây dựng (n = 30)

TT	Nội dung	Điểm trung bình		So sánh		P
		Lần 1	Lần 2	$\chi^2_{\text{tính}}$	$\chi^2_{\text{bảng}}$	
1	Mức độ sẵn sàng, cơ hội, rủi ro, thách thức của ngành	4.00	4.00	3.491	7.815	>0.05
2	Phù hợp với các điều kiện thực tiễn của ngành	3.63	3.70	5.819	7.815	>0.05
3	Tính khả thi của các nhóm giải pháp trong điều kiện áp dụng	3.77	3.80	3.492	7.815	>0.05

Như vậy, kết quả thu được qua 2 lần phỏng vấn cho thấy các ý kiến của các chuyên gia tương đối đồng nhất lựa chọn ở cả 2 lần phỏng vấn.

Trên cơ sở kết quả thu được ở các bảng 1 và 2, nhằm xác định mức độ đồng nhất và mức độ tin cậy giữa kết quả hội thảo về nội dung các nhóm giải pháp nêu trên, nghiên cứu tiến hành so sánh kết quả giữa 2 lần phỏng vấn về mức độ phù hợp, tính khả thi của nội dung các giải pháp lựa chọn. Kết quả thu được như trình bày ở bảng 3.

Từ kết quả thu được ở bảng 3 cho thấy: không có sự khác biệt rõ rệt giữa kết quả phỏng vấn lần thứ nhất và lần thứ hai về mức độ phù hợp, tính khả thi của 03 nhóm giải pháp cùng với 11 giải pháp cụ thể nhằm phát triển TDTT Việt Nam trước tác động của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư mà kết quả nghiên cứu đã xây dựng (với $X^2_{\text{tính}} \text{ đều} < X^2_{\text{bảng}}$ với $p > 0.05$).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Chính trị (2019), *Nghị Quyết số 52-NQ/TW ngày 27 tháng 9 năm 2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư*.
2. Cục Thông tin KH&CN Quốc gia (2017), *Tổng luận “Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư”*, Hà Nội - 2017.
3. Trần Thị Vân Hoa (2017), *Cách mạng công nghiệp 4.0 - vấn đề đặt ra cho phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế của Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội.
4. Trần Đức Phần (2018), *Phân tích, đánh giá sự tác động của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đến lĩnh vực thể dục thể thao*, Kỷ yếu Hội thảo khoa học xây dựng sản phẩm chủ lực của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (VH, TT&DL) trong xu hướng cách mạng công nghiệp lần thứ tư, Hà Nội - 07/2018.
5. Lê Hồng Sơn (2018), *Định hướng giải pháp nâng cao chất lượng công tác tuyển chọn, đào tạo vận động viên thể thao ở Việt Nam hiện nay*, Kỷ yếu Hội thảo khoa học xây dựng sản phẩm chủ lực của Bộ VH, TT&DL trong xu hướng cách mạng công nghiệp lần thứ tư, Hà Nội - 07/2018.
6. Nguyễn Viết Thảo (2017), *Cách mạng công nghiệp lần thứ tư*, Tạp chí Lý luận chính trị, Số 5/2017.
7. Nguyễn Danh Hoàng Việt (2018), *Tác động và ảnh hưởng của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đối với lĩnh vực TDTT*, Kỷ yếu Hội thảo khoa học xây dựng sản phẩm chủ lực của Bộ VH, TT&DL trong xu hướng cách mạng công nghiệp lần thứ tư, Hà Nội - 07/2018.

Nguồn bài báo: Bài báo được trích từ một phần kết quả nghiên cứu thuộc nhiệm vụ KH&CN cấp bộ năm 2020: “Đánh giá tác động của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư đối với phát triển TDTT”. Nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ - Bộ VH, TT&DL. Nhiệm vụ đã hoàn thành giai đoạn 2, dự kiến bảo vệ trước Hội đồng nghiệm trong tháng 12/2020.

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 25/7/2020; ngày phản biện đánh giá: 14/9/2020; ngày chấp nhận đăng: 18/10/2020)